

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI

ĐỖ MINH CƯỜNG^(*)

Vấn đề phát triển văn hóa và con người Việt Nam đang được thảo luận trong một bối cảnh đặc biệt: thế giới còn chao đảo trong cuộc khủng hoảng tài chính–kinh tế, trong nước đang đối mặt với khó khăn của tình trạng giảm phát, thất nghiệp gia tăng và mối lo xung quanh việc tranh chấp biển, đảo với một số quốc gia láng giềng... Tình hình mới đã xuất hiện những thời cơ và thách thức của nó, đồng thời cũng bộc lộ rõ hơn những vấn đề và khía cạnh phức tạp cần được phân tích, đánh giá cả từ phương diện nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn.

1. Khủng hoảng kinh tế thế giới và khía cạnh mới của kinh tế tri thức và văn hóa

Toàn cầu hóa đã được phân tích trong nhiều sách, báo và sự kiện truyền thông nhưng mới hơn nửa năm trở lại đây vẫn làm cho chúng ta bất ngờ với tính nhiều mặt của nó. Sự phồn vinh mà nó đem lại hóa ra quá mong manh; trong nền kinh tế và đời sống xã hội của mỗi quốc gia là thành viên của WTO (kể cả nhiều nước chưa vào WTO) đều có hai phần thật và ảo: hàng hóa ảo, tiền ảo, tiềm năng ảo, tăng trưởng ảo và cả giá trị ảo. Trong điều kiện thuận lợi, khi con người có niềm tin vào sự chuyển đổi tiềm năng thành hiện thực thì cái ảo (ví

dụ, tri thức, giá trị thương hiệu, thị giá cổ phiếu và chỉ số tăng của thị trường chứng khoán...) có thể trở thành cái thật (tiền thật, giá trị hàng hóa...) sau một khoảng thời gian nhất định. Nhưng khi niềm tin của những người tham gia giao dịch bị giảm thiểu hay bị sụp đổ thì cái ảo không thể trở thành cái thực, mặc dù phần đóng góp của nó đã được tính đến trong các bảng cân đối tài sản và báo cáo tài chính của các công ty và được trả lương, đưa vào tiêu dùng theo kiểu “đếm cua trong lỗ”. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, xuất phát từ khủng hoảng tài chính Mỹ, đang diễn ra cho thấy phần ảo được tích tụ trong nhiều năm nay đã lớn hơn phần thật nhiều lần; càng những nước có nền kinh tế tri thức và công nghệ thông tin phát triển thì phần ảo càng nhiều; thế giới đã tiêu xài thực hơn rất nhiều so với cái có thể làm ra; con người đã trở thành con nợ của chính mình và phải trả nợ trong nhiều năm tương lai trước mắt. Hoa Kỳ, một nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới và là đầu tàu của trào lưu toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, đã bộc lộ những mặt trái và điểm yếu căn bản trong khủng hoảng; từ một chủ nợ lớn cách đây hơn

^(*) TS., Ban Tổ chức Trung ương.

20 năm nay đã trở thành con nợ lớn nhất thế giới. Theo công bố của Bộ Tài chính Mỹ, thâm hụt ngân sách của nước này trong năm tài chính 2008, tính từ 1/10/2007 đến 30/9/2008, đã tăng gấp 3 lần so với năm trước, chiếm 3,2% GDP. Dự đoán năm 2009 có thể lên đến 10-12% GDP! Hoa Kỳ có một thể chế tài chính được coi là hình mẫu của thế giới với tầng lớp học thuật, chuyên gia và tầng lớp quản trị doanh nghiệp tinh hoa, với các thiết chế quản lý vĩ mô hùng mạnh như Cục Dự trữ Liên bang (FED, hoạt động từ năm 1915), Ủy ban Chứng khoán Hoa Kỳ (SEC, thành lập năm 1934 với 3.798 nhân viên năm 2007), các công ty kiểm toán, các công ty đánh giá và xếp hạng doanh nghiệp hàng đầu thế giới... nhưng cũng không có khả năng dự báo và ngăn chặn được sự sụp đổ của các ngân hàng và công ty bảo hiểm lớn; cũng không kiểm soát được các vụ lừa đảo tài chính có quy mô hơn 50 tỷ USD của Bernard Madoff, khoảng 8 tỷ USD của Allen Stanford (1). Ngoài nước Mỹ cũng đã xuất hiện các vụ lừa đảo tài chính quy mô lớn như vụ lợi dụng công nghệ thông tin để giao dịch ảo làm mất 7,3 tỷ USD của Ngân hàng lớn thứ hai nước Pháp Société Générale (SocGen) (2), Tập đoàn tin học Satyam đứng hàng thứ tư Ấn Độ thừa nhận gian lận kế toán và tạo lợi nhuận ảo lên đến 1 tỉ USD...

Chính lòng tham của con người và sự phát triển vượt trước quá xa của công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin và công nghệ tài chính, so với năng lực kiểm soát của các chính phủ là nguyên nhân chính dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính-kinh tế hiện nay.

Nguyên nhân của khủng hoảng xuất phát từ nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, năng lực lãnh đạo-quản lý của chính quyền, khoa học-công nghệ và văn

hóa. Ở đây, chúng tôi muốn đi sâu vào nguyên nhân văn hóa và công nghệ.

Một là, công nghệ thông tin, bao gồm tin học, viễn thông, Internet, mạng xã hội ảo, v.v... đã tạo ra một xã hội ảo tồn tại song song với xã hội thực và đã khiến con người ngày càng bị thu hút và phải phụ thuộc vào nó. Con người sẽ ra sao nếu vào ngày làm việc mà không có điện, điện thoại và mất Internet? Các công việc hiện đại ngày nay- thuộc về nền kinh tế tri thức - đều hoạt động dựa vào nguồn tài nguyên ảo và các công cụ ảo hóa thế giới hiện thực. Thông tin là hình ảnh chứ không phải là bản thân của hiện thực. Nhưng công nghệ thông tin hiện đại đã tạo ra một thế giới ảo nhiều chiều (3D, 4D...) giống như thật và có ưu điểm hơn thế giới thật về tốc độ và phạm vi tìm kiếm, truyền tải, phản ánh và trao đổi tri thức, giao dịch thương mại, đầu tư và thanh toán tài chính... Đồng thời, với lĩnh vực hoạt động tài chính, với nhiều loại hàng hóa, dịch vụ, công cụ phức tạp, rất khó kiểm tra mức độ xác thực của các báo cáo, thông tin về lợi nhuận, tài sản và giá trị thực của các công ty, ngân hàng, quỹ đầu tư... Cái giả thường lẫn lộn hoặc thay thế cái thực cả trong trường hợp vô tình và hữu ý. Tính chất hình ảnh của thông tin cộng với thế giới ảo của công nghệ đã tạo ra sự nhiễu loạn tâm thức và hành vi của con người, trong phạm vi cá nhân, tổ chức và xã hội; tạo ra các hành động “có tính bầy đàn” trong phạm vi quốc gia và toàn cầu. Tâm lý hoảng loạn và khả năng lan truyền mạnh mẽ của nó có thể làm sụp đổ nhiều ngân hàng và thị trường chứng khoán ngay cả ở các nước phát triển.

Có hai ví dụ tiêu biểu cho tình trạng này: (1) Vào lúc thị trường chứng khoán ở nước ta lên cao nhất (tháng 2 đến 8/3/2007), cổ phiếu của đa số các công ty

trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã tăng từ 10 đến hơn 60 lần so với mệnh giá (10.000đ/CP), có một số tiếng nói đã cảnh báo về tình trạng thị trường phát triển quá nóng và hiện tượng bong bóng nhưng đã bị công chúng nhà đầu tư phê phán là ý kiến thiếu tính xây dựng và bị bỏ qua, nay thị giá các cổ phiếu này có mức giảm trên dưới 10 lần khiến các nhà đầu tư đó mất đi số tiền tương ứng. Đáng tiếc là hầu hết công chúng đầu tư nước ta là những nhà đầu tư cá nhân nhỏ lẻ đã đầu tư vào chứng khoán số tiền có nguồn gốc từ bán tài sản thực (đất đai, vàng...) hoặc từ tiết kiệm tiêu dùng của gia đình họ. Tình trạng giá cả bong bóng đã lây lan sang thị trường nhà đất. (2) Đến nay, chỉ số tăng, giảm của cả hai sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam vẫn bị chi phối chủ yếu bởi sự tăng giảm của thị trường chứng khoán Mỹ cùng ngày kết thúc trước đó hơn là sự phụ thuộc của tình hình kinh doanh của các công ty niêm yết và tin tức từ nền kinh tế vĩ mô nước ta.

Hai là, toàn cầu hóa, xuất phát từ cuộc cách mạng khoa học-công nghệ, tự do hóa thương mại và đầu tư, đã hình thành nên các khuôn mẫu hành vi xã hội và lối sống có tính lan truyền, quốc tế hóa cao với tính cách nhiều mặt và khó lường của nó. Trong cái văn hóa và “phương thức sinh hoạt” toàn cầu này, thật giả khó phân biệt, giá cả thường lẫn lộn với giá trị, cái hay của nó thì ta không biết học hỏi, phát huy, còn cái dở, mặt trái của nó thì dễ bắt chước nên dễ bị thua thiệt với các nước đi trước. Văn hóa khuyến khích tiêu dùng, “lối sống Mỹ” đã hiện diện và được truyền bá ở nước ta bằng nhiều con đường và hình thức khác nhau, như hàng hóa, phim ảnh, truyền hình, truyền thông, kinh

nghiệm và lý luận kinh tế, kinh doanh v.v... Người Việt Nam dễ có ấn tượng với cách thức kích cầu từ doanh nghiệp đến nhà nước và lối “tiêu dùng kiểu Mỹ”, thường hiểu rằng các tỷ phú Mỹ sống rất sang trọng và tiêu xài hoang phí, song lại ít quan tâm đến sự chuyên cần, tiết kiệm cá nhân và hào phóng trong hoạt động từ thiện của những doanh nhân vĩ đại của nước Mỹ. Hai năm gần đây số lượng xe “siêu sang” nhập khẩu cho các doanh nhân nước ta đã khoảng 50 chiếc, trị giá mỗi chiếc dao động trong khoảng từ 150 ngàn đến 1,35 triệu USD, trong khi người giàu nhất thế giới là Bill Gate đến Việt Nam đi cùng đồng nghiệp từ sân bay Nội Bài về Hà Nội bằng chiếc xe minibús 16 chỗ ngồi, còn người giàu thứ hai thế giới là Warrant Buffet đang sử dụng một chiếc xe ô tô cũ có giá thị trường khoảng 10 ngàn USD. Và chúng ta càng khó hiểu hơn khi cả hai tỷ phú này đều đã cam kết sẽ hiến tặng hơn 95% tài sản của họ cho các quỹ từ thiện của thế giới. Còn ở nước ta có tỷ phú nào hiện nay có hảo tâm hiến tặng đến 1/3 tài sản của mình?

Sự cộng sinh, hợp lực giữa điện ảnh-văn hóa và kinh doanh của Hàn Quốc đã tạo ra một thứ hội chứng yêu thích hàng xứ Hàn tại Việt Nam, trong khi hình ảnh Việt Nam ở nước họ lại chủ yếu là các cô dâu Việt văn hóa thấp và bộ phận tu nghiệp sinh lao động bất hợp pháp (phá hợp đồng). Điều đáng lo ngại là trong thời gian gần đây, “thương hiệu quốc gia” của Việt Nam bị giảm giá do tình trạng tham nhũng có tổ chức (vụ PCI – Dự án Đại lộ Đông – Tây là một ví dụ), sự thiếu tự trọng dân tộc và thói vô đạo đức trong kinh doanh như làm hàng giả, hàng nhái, lạm dụng hóa chất có hại tới sức khỏe con người trong các mặt

hàng thực phẩm xuất khẩu và tiêu dùng trong nước...

Thực tế cho thấy, các giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc chưa tạo ra được bộ lọc loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực và phát huy được mặt tích cực của tiến trình toàn cầu hóa để đưa nước ta vào quỹ đạo phát triển nhanh và bền vững. Mặc dù có nhiều thành tích trong tăng trưởng kinh tế trong gần hai thập kỷ trở lại đây nhưng chúng ta chưa tạo ra được mô hình phát triển thành công có thể so sánh với cách làm của Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hong Kong. Nói cách khác, đáng lẽ cần học theo sự thành công của mô hình Đông Á, hiện nay phương thức phát triển kinh tế của Việt Nam lại giống mô hình Đông Nam Á nhiều hơn.

II. Quan điểm mới về phát triển văn hóa, con người và dân tộc

Trong khủng hoảng luôn có những cơ hội; những nước đi trước bị khủng hoảng có thể là cơ hội tốt cho những nước đi sau học hỏi, rút kinh nghiệm và tiến lên; tình thế khó khăn không còn đường lùi cũng tạo ra cơ hội để chúng ta phải đổi mới thể chế quản lý nền kinh tế và cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp để tạo ra hiệu quả chung. Vậy cuộc khủng hoảng kinh tế đang diễn ra ở Mỹ, thế giới và trong nước giúp chúng ta rút ra những nhận thức gì có ý nghĩa phương pháp luận, có ích cho sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam? Theo chúng tôi, đó là:

1, Cần nhận thức đầy đủ hơn về văn hóa và vai trò của nó đối với sự phát triển của con người và dân tộc Việt Nam

Văn hóa, theo nghĩa rộng nhất, “là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm

thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” (3, tr.431). Nói cách khác, văn hóa là sự nhân cách hóa của con người với thế giới khách quan, là sản phẩm của tình cảm, trí tuệ con người. Con người là “một loài động vật có văn hóa” nên chúng ta thường đồng nhất đời sống con người với đời sống hay phương diện văn hóa của nó. Đó là một sự trừu tượng hóa quá mức dẫn đến sai lầm trong nhận thức và hành động. Trong hiện thực, trước khi có đời sống văn hóa, con người văn hóa, đã có con người tiền văn hóa, con người mang nặng tính bản năng với các nhu cầu sinh lý và rất cơ bản của họ là ăn, mặc, ở, đi lại vào mức trung bình của xã hội đương thời. Nếu chưa giải quyết được các nhu cầu rất cơ bản của con người thì rất khó đòi hỏi họ có được đời sống văn hóa phong phú hay những hành vi nhân văn cao cả. Trong thời kỳ toàn cầu hóa, sẽ là ngây thơ và ảo tưởng khi mong muốn xây dựng một tổ chức hay xã hội có mức phát triển kinh tế thấp, đời sống vật chất nghèo nhưng lại có đời sống văn hoá cao. Văn hóa dân gian đã tổng kết vấn đề này trong ca dao, tục ngữ; chẳng hạn, “đói ăn vụng, túng làm càn”; “đói thì đầu gối phải bò”... K. Marx cũng nói đến “hành vi lịch sử đầu tiên” và tình trạng “bị tha hóa” của con người; con người trước hết cần có cái để ăn, mặc, ở trước khi có thể sáng tác thơ và sinh hoạt tôn giáo, triết học... Khi xã hội rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế dễ dẫn đến khủng hoảng niềm tin, tư tưởng, lý luận... và chúng ta phải chủ động phòng chống với các nguy cơ hành vi lệch chuẩn tăng cao. Vì vậy, văn hóa phải vì sự phát triển của con người hiện thực, trước hết trong đời sống kinh tế, chứ không phải để kìm hãm các nhu cầu phát triển tự nhiên của con người bằng các quan điểm, quy chuẩn giáo điều và

cứng nhắc. Cũng không nên kỳ vọng quá cao rằng nền văn hóa dân tộc có bản sắc sẽ tạo ra năng lực cạnh tranh và sự khác biệt của các doanh nghiệp nước ta trên thị trường toàn cầu.

Văn hóa cũng có tính ảo và mặt ảo so với hiện thực khách quan. Nền văn hóa nào cũng có tính hai mặt; có yếu tố tạo sự ảo giác, tự bằng lòng và tính bảo thủ. Đối với các quá trình hoạt động thực tiễn và phát triển, văn hóa thường tồn tại dưới dạng tiềm năng trong các cá nhân, cộng đồng. Nếu các chủ thể lãnh đạo, quản lý không có khả năng khai thác, phát huy nguồn tài nguyên tiềm ẩn này thì văn hóa dân tộc mãi vẫn là một nguồn lực ảo hay một thứ “quy hoạch treo” phi thực tiễn, thậm chí nó có thể tự phát tạo nên hình thức “văn hóa xấu”, “văn hóa yếu” hoặc văn hóa phản văn minh, cản trở sự phát triển.

Nhận thức về vai trò tích cực của văn hóa dân tộc nước ta đã có sự đồng thuận xã hội theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, năm 1996: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” (4, tr.10). Nhưng vấn đề cần tiếp tục làm rõ thêm là nội hàm của cụm từ “nền tảng tinh thần” là gì? Mặt trái, ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa dân tộc đối với sự phát triển của dân tộc ta hiện nay là gì? Mối quan hệ giữa hai mặt của văn hóa nước ta đang diễn ra như thế nào? Tại sao trong giai đoạn hiện nay chúng ta không phát huy được sức mạnh của văn hóa dân tộc như trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ?

2, Cần bổ sung nhận thức về vai trò “bộ lọc”, “phanh hãm” và “van xả” của văn hóa đối với con người trong lĩnh vực hoạt động kinh tế, kinh doanh

Chúng tôi đã nhiều lần luận chứng rằng văn hóa dân tộc là mục tiêu, là động lực, là linh hồn và hệ điều tiết phát triển của các quốc gia; văn hóa kinh doanh là một nguồn lực và cách thức phát triển kinh doanh bền vững; kinh doanh có văn hóa có thể tạo ra sự giàu có lâu bền cho chủ thể (xem thêm: 5, tr.46-55; tr.72-77). Thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội nước ta hơn 20 năm qua cho thấy rất khó thực hiện được lý luận này và vai trò tích cực của văn hóa không chỉ có như vậy. Nay cần nhận thức thêm các vai trò hay chức năng của văn hóa đối với đời sống các cá nhân và cộng đồng:

Bộ lọc của văn hóa là cách nói hình tượng về khả năng tiếp thu có chọn lọc của các chủ thể văn hóa dân tộc với các nền văn hóa, văn minh từ bên ngoài trong quá trình giao lưu kinh tế và văn hóa. Phanh hãm của văn hóa là khả năng bảo tồn và điều chỉnh trong một giới hạn an toàn của bản sắc dân tộc trước nguy cơ phát triển quá nhanh, quá nóng, tăng trưởng cao song kém hiệu quả và chất lượng của nền kinh tế có thể khuyến khích lối kinh doanh tối mạt vì các lợi ích ngắn hạn “đổi văn hóa lấy sự tăng trưởng kinh tế”. Van xả của văn hóa là nói về chức năng bình ổn, giải tỏa những bức xúc, stress... của văn hóa (nghệ thuật, thể thao, niềm tin tôn giáo...) để chủ thể văn hóa có một cuộc sống cân bằng, an lạc, hạnh phúc. Biết hít thở, cười, nghỉ ngơi... đúng cách cũng là những kỹ năng làm tăng thêm chất lượng cuộc sống.

Trong lối sống, văn hóa của mỗi dân tộc có sắc thái và mức độ khác nhau về ba yếu tố trên. Ví dụ, văn hóa Mỹ có bộ lọc mạnh (văn hóa của “cái nổi hăm nhừ”), nhưng yếu về khả năng phanh hãm và van xả; Mỹ có tỷ lệ người mất kiểm soát bản thân cao khi bị khủng

hoảng dẫn đến nhiều vụ giết người, tự sát. Nhật Bản có nền văn hóa làm bộ lọc và phanh hãm tốt nhưng hệ thống van xả có vấn đề với hội chứng karôsi và tỷ lệ doanh nhân tự sát khá cao. Còn văn hóa Việt Nam? Dễ nhận thấy, chúng ta là một dân tộc sống lạc quan, có van xả tốt nhưng bộ lọc và hệ thống phanh hãm rất khó đánh giá chất lượng. Nếu nhìn vào việc chính quyền Hà Nội đã cấp phép cho xây khách sạn ở công viên Thống Nhất và cách tổ chức lễ hội Chùa Hương, Yên Tử... thì dường như chúng ta sẵn sàng bỏ văn hóa và môi trường trong lành để lấy kinh tế. Chúng ta cần sự phát triển có văn hóa, cần các nhân tố văn hóa trở thành động lực để phát triển kinh tế, song cũng cần cả chức năng bộ lọc, phanh hãm và van xả của văn hóa - đó là vai trò dự trữ sinh quyển của văn hóa cho đời sống trong lành và an lạc của con người Việt Nam.

3, Thực hiện chính sách ưu tiên lợi ích dân tộc, quốc gia trong một thế giới toàn cầu hóa

Giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và quốc gia không chỉ là bài toán khó đối với các nhà chính trị mà còn là một thách thức đối với giới khoa học và mối quan ngại của nhân dân. Từ năm 1924 quan điểm chủ nghĩa dân tộc “là động lực lớn của đất nước” của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (6, tr.465) chỉ là thiếu sót so với quan điểm của Quốc tế Cộng sản về cuộc cách mạng vô sản trên toàn thế giới với ảnh hưởng lớn của nó trong phong trào và chủ nghĩa xã hội hiện thực kéo dài 65 năm sau đó - tới khi Liên Xô tan rã với sự phát triển chủ nghĩa dân tộc nhiều màu sắc, trong đó có hình thức cực đoan. Ở Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới, chủ trương của Đảng phát huy tinh thần- chủ nghĩa yêu nước có hàm ý đó là chủ nghĩa dân

tộc theo nghĩa không hẹp hòi, cực đoan; chúng ta nói nhiều về nội lực trong nước là quyết định, ngoại lực quốc tế là quan trọng nhưng vẫn chưa chỉ rõ được quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại trong chính sách; dùng cụm từ “giải quyết hài hòa” cũng chưa tường minh. Thế nào là giải quyết hài hòa quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, nhân loại?

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế thì xu hướng chủ nghĩa dân tộc càng nổi lên rõ nét; lối sống khoan dung, cộng sinh và tôn trọng sự khác biệt của người khác được thế giới tôn trọng và truyền bá như một văn hóa ứng xử - văn hóa chính trị chuẩn mực. Việc Na Uy, Thụy Sĩ không gia nhập EU, nước Anh không thay thế đồng Bảng của mình bằng Euro... là xuất phát từ các giá trị tự do và dân chủ trong chính trị và bản lĩnh của giới cầm quyền chứ không phải vì một phong trào toàn thế giới hay vì lợi ích trước mắt của các bên hữu quan. Hệ thống bộ lọc và phanh hãm của nền văn hóa các nước này rõ ràng là mạnh.

Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào tiến trình toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa thương mại. Đã đến lúc chúng ta cần khẳng định lợi ích dân tộc là cơ sở quan trọng nhất trong các chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia; chủ nghĩa dân tộc là nguồn động lực vào loại lớn nhất cần được nuôi dưỡng và phát huy. Những kinh nghiệm và bài học lịch sử cho thấy, nhà nước nào cũng xây dựng đường lối, chính sách và dùng nhiều biện pháp nhằm bảo vệ cho lợi ích của dân tộc mình; phần lớn các chính phủ văn minh vẫn sẵn sàng “nói một đằng làm một nẻo” nếu điều đó có lợi cho đất nước họ. Liên quan tới lợi ích quốc gia, dân tộc thì kinh tế được ưu tiên hơn văn hóa; văn hóa thường được

sử dụng như một công cụ để đạt tới các mục tiêu chính trị và kinh tế (chính sách ngoại giao bóng bàn, ngoại giao bằng dàn nhạc giao hưởng, v.v...). Không thể vì tình cảm hay tình nghĩa giữa các giới cầm quyền mà nhượng bộ lợi ích chính trị và kinh tế lâu dài, trước hết là vấn đề toàn vẹn lãnh thổ và độc lập dân tộc. Trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và biên giới trên biển của nước ta hiện nay, chúng tôi nhất trí với nhận định của Hội thảo “Tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông: Lịch sử, Địa chính trị và Luật pháp quốc tế” do Học viện Ngoại giao tổ chức ngày 17/3/2009 rằng: Khả năng tiến hành thương lượng hoà bình về chủ quyền giữa các nước có tranh chấp được đề cập đến nhưng tính khả thi không được đánh giá cao do không nước nào muốn nhân nhượng về chủ quyền. Đồng thời chúng tôi cũng đồng thuận với các khuyến nghị chính của Hội thảo như sau:

- Đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, biển Đông dựa trên hai sức mạnh là dân tộc và thời đại. Dân tộc: là khối đại đoàn kết dân tộc (trong và ngoài nước); và Thời đại là luật pháp quốc tế, tính chính nghĩa của Việt Nam.

- Quốc hội cần thông qua luật về chủ quyền đối với Hoàng Sa - Trường Sa. Chính phủ cần có chiến lược biển toàn diện và đồng bộ, liên quan đến nhiều lĩnh vực, trong đó chú ý đến việc hiện đại hóa quân đội nhằm tăng cường sức mạnh rắn đe.

- Nên 4 hóa vấn đề tranh chấp ở Biển Đông: Xã hội hóa, Công khai hóa, Quốc tế hóa và Phi nhạy cảm hóa.

- Phải xây dựng được hồ sơ pháp lý đầy đủ về vấn đề này dùng để đấu tranh

chính trị, tuyên truyền, đàm phán và lúc cần cho việc phân xử tại Tòa án quốc tế (7).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế không nên có ảo tưởng về chủ nghĩa quốc tế thay thế cho chủ nghĩa dân tộc, tình hữu nghị và cách ứng xử văn hóa cao hơn các lợi ích kinh tế-chính trị. Lợi ích dân tộc vẫn là “hệ điều hành” và động lực của các hoạt động và quá trình chính trị, kinh tế, ngoại giao... của một quốc gia. Nguồn lực to lớn nhất của nước ta chính là sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam ở trong và ngoài nước; sức mạnh của quốc tế, nhân loại trước hết là từ luật pháp và văn hóa thế giới. Kết hợp cả hai sức mạnh này một cách sáng suốt, khôn ngoan vì mục tiêu phát triển con người, dân tộc Việt Nam một cách toàn diện, bền vững là một triết lý chính trị của chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <http://vietnamnet.vn/thegioi/2009/02/829736/>
2. <http://vietbao.vn/Kinh-te/Dien-bien-vu-lua-dao-tai-chinh-lon-nhat-nuoc-Phap/30216753/87/>
3. Hồ Chí Minh toàn tập (T.3). H.: Chính trị quốc gia, 1995.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. H.: Chính trị quốc gia, 1996.
5. Đỗ Minh Cương. Văn hóa kinh doanh và triết lý kinh doanh. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
6. Hồ Chí Minh toàn tập (T.1). H.: Chính trị quốc gia, 2000.
7. Trần Trường Thủy. Những khuyến nghị sau Hội thảo Biển Đông. <http://www.tuanvietnam.net/vn/tulieusuyngam/6428/index.aspx>